

Số: **02/2022/QĐST-DS**

Son Dương, ngày 04 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 47/2021/TLST- DS ngày 01 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1948

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn Th, sinh năm 1960 và chị Hoàng Thị Kim V, sinh năm 1962

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở hiện nay: Ngõ 5, đường K, tổ 9, phường T, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy của chị Hoàng Thị Kim V: Anh Hoàng Văn Th, sinh năm 1960

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Tường L, sinh năm 1982 và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ trả tiền: Anh Hoàng Văn Th. và chị Hoàng Thị Kim V. có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N. số tiền 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng), chia ra anh Th. có nghĩa vụ trả 85.000.000 đồng, chị V. có nghĩa vụ trả 85.000.000 đồng.

Thời hạn trả: đến ngày 27/01/2022 anh Th. và chị V. có nghĩa vụ trả trước 100.000.000 đồng, số còn lại anh Th. chị V. có nghĩa vụ trả hết trong sáu tháng đầu năm 2022.

Hết thời hạn trên, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

- Ông Nguyễn Văn N. rút yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 07/01/2019 giữa anh Hoàng Văn Th, chị Hoàng Thị Kim V. với anh Phạm Tường L, chị Nguyễn Thị T. vô hiệu, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn N. phải chịu 2.125.000 đồng (hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí có giá ngạch

+ Anh Hoàng Văn Th. và chị Hoàng Thị Kim V. phải chịu 2.125.000 đồng (hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí có giá ngạch, chia ra mỗi người phải nộp $\frac{1}{2}$ là 1.062.500 đồng.

Do ông Nguyễn Văn N. và anh Hoàng Văn Th. là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nên ông N, anh Th. không phải nộp án phí. Chị Hoàng Thị Kim V. phải nộp 1.062.500 đồng (một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THA Dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến